

Số: /2024/QĐ-UBND

Gia Lai, ngày tháng 12 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế quản lý, vận hành, kết nối, bảo đảm an toàn thông tin và sử dụng Mạng truyền số liệu chuyên dùng trên địa bàn tỉnh Gia Lai

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật An toàn thông tin mạng ngày 19 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Viễn thông ngày 24 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Quyết định số 08/2023/QĐ-TTg ngày 05 tháng 4 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về Mạng truyền số liệu chuyên dùng phục vụ các cơ quan Đảng, Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 19/2023/TT-BTTTT ngày 25 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Quyết định số 08/2023/QĐ-TTg ngày 05 tháng 4 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về Mạng truyền số liệu chuyên dùng phục vụ các cơ quan Đảng, Nhà nước;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý, vận hành, kết nối, bảo đảm an toàn thông tin và sử dụng Mạng truyền số liệu chuyên dùng trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày...tháng...năm...

2. Quyết định số 235/QĐ-UBND ngày 22 tháng 5 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai ban hành Quy chế quản lý, vận hành và sử dụng mạng

truyền số liệu chuyên dùng cấp II trên địa bàn tỉnh Gia Lai hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

Điều 3. Trách nhiệm thi hành

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông; Giám đốc các sở, Thủ trưởng các ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Thông tin và Truyền thông;
- Vụ Pháp chế - Bộ Thông tin và Truyền thông;
- Cục Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy Gia Lai;
- Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai;
- Chủ tịch và các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân;
- Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số tỉnh Gia Lai;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Công thông tin điện tử tỉnh Gia Lai;
- Báo Gia Lai; Đài Phát thanh – Truyền hình Gia Lai;
- Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Tuấn Anh

QUY CHẾ

**Quản lý, vận hành, kết nối, bảo đảm an toàn thông tin và sử dụng
Mạng truyền số liệu chuyên dùng trên địa bàn tỉnh Gia Lai**
(Kèm theo Quyết định số /2024/QĐ-UBND ngày tháng năm 2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về quản lý, vận hành, kết nối, bảo đảm an toàn thông tin và sử dụng Mạng truyền số liệu chuyên dùng trên địa bàn tỉnh Gia Lai (sau đây gọi là Mạng truyền số liệu chuyên dùng).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

- Các cơ quan Đảng:
 - Các ban thuộc Tỉnh ủy Gia Lai;
 - Đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy Gia Lai;
 - Huyện ủy, thị ủy, thành ủy;
 - Đảng ủy các xã, phường, thị trấn (sau đây gọi là cấp xã).
- Các cơ quan Nhà nước:
 - Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh;
 - Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
 - Hội đồng nhân dân các huyện, thị xã, thành phố (sau đây gọi là cấp huyện) và Hội đồng nhân dân cấp xã;
 - Ủy ban nhân dân cấp huyện và Ủy ban nhân dân cấp xã;
 - Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện.
- Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội thành viên cấp tỉnh, cấp huyện.
- Các cá nhân, doanh nghiệp liên quan đến hoạt động cung cấp, sử dụng Mạng truyền số liệu chuyên dùng trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- Đơn vị sử dụng là cơ quan, tổ chức sử dụng Mạng truyền số liệu chuyên

dùng quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 2 Quy chế này.

2. Cá nhân sử dụng là người thuộc các đơn vị sử dụng Mạng truyền số liệu chuyên dùng.

Điều 4. Danh mục dịch vụ, ứng dụng

1. Dịch vụ cung cấp trên Mạng truyền số liệu chuyên dùng:

- a) Dịch vụ mạng riêng ảo;
- b) Dịch vụ hội nghị truyền hình.

2. Các ứng dụng trên Mạng truyền số liệu chuyên dùng:

- a) Hệ thống Quản lý văn bản và điều hành;
- b) Hệ thống Thư điện tử công vụ;
- c) Hệ thống Thông tin giải quyết thủ tục hành chính;
- d) Hệ thống Cổng/Trang thông tin điện tử;
- đ) Hệ thống Hội nghị truyền hình;
- e) Các ứng dụng chuyên ngành khác có yêu cầu liên thông, luân chuyển dữ liệu giữa các đơn vị sử dụng trên địa bàn tỉnh.

Chương II **QUẢN LÝ, VẬN HÀNH, KẾT NỐI** **MẠNG TRUYỀN SỐ LIỆU CHUYÊN DÙNG**

Điều 5. Quản lý, vận hành

1. Sở Thông tin và Truyền thông là đơn vị trực tiếp quản lý mạng truy nhập cấp II trên địa bàn tỉnh; chịu trách nhiệm làm đầu mối xử lý sự cố Mạng truyền số liệu chuyên dùng.

2. Doanh nghiệp viễn thông cung cấp dịch vụ cho các đơn vị sử dụng là đơn vị vận hành mạng truy nhập cấp II trên địa bàn tỉnh.

3. Việc quản lý, vận hành Mạng truyền số liệu chuyên dùng thực hiện theo Quy trình quản lý, vận hành, khai thác và bảo đảm an toàn thông tin Mạng truyền số liệu chuyên dùng phục vụ các cơ quan Đảng, Nhà nước ban hành kèm theo Quyết định số 678/QĐ-CBĐTƯ ngày 20 tháng 6 năm 2024 của Cục Bưu điện Trung ương.

Điều 6. Kết nối

1. Mô hình kết nối

a) Mô hình kết nối Trung tâm dữ liệu tỉnh Gia Lai đặt tại Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông tỉnh Gia Lai thuộc Sở Thông tin và Truyền thông với Mạng truyền số liệu chuyên dùng:

Áp dụng theo Mô hình 02 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số

19/2023/TT-BTTTT ngày 25 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Quyết định số 08/2023/QĐ-TTg ngày 05 tháng 4 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về Mạng truyền số liệu chuyên dùng phục vụ các cơ quan Đảng, Nhà nước.

Kênh truyền kết nối thực hiện theo quy định tại điểm b, điểm c khoản 2 Điều 7 Thông tư số 19/2023/TT-BTTTT.

b) Mô hình kết nối Trung tâm dữ liệu tỉnh Gia Lai đặt tại doanh nghiệp viễn thông với Mạng truyền số liệu chuyên dùng:

Áp dụng theo Mô hình 03 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 19/2023/TT-BTTTT.

Kênh truyền kết nối thực hiện theo quy định tại điểm b, điểm c khoản 3 Điều 7 Thông tư số 19/2023/TT-BTTTT.

c) Mô hình kết nối các cơ quan, tổ chức trên địa bàn tỉnh Gia Lai với Mạng truyền số liệu chuyên dùng:

Áp dụng theo Mô hình 04 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 19/2023/TT-BTTTT.

Kênh truyền kết nối thực hiện theo quy định tại điểm đ khoản 4 Điều 7 Thông tư số 19/2023/TT-BTTTT.

2. Địa chỉ IP, định tuyến

a) Sở Thông tin và Truyền thông tổng hợp nhu cầu và cung cấp thông tin sử dụng địa chỉ IP cho Cục Bưu điện Trung ương theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 8 Thông tư số 19/2023/TT-BTTTT.

b) Sở Thông tin và Truyền thông làm đầu mối thống nhất phương án giữa các đơn vị liên quan và Cục Bưu điện Trung ương đối với việc tạo mới hoặc thay đổi chính sách định tuyến theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 8 Thông tư số 19/2023/TT-BTTTT.

c) Đơn vị sử dụng, doanh nghiệp viễn thông cung cấp dịch vụ phối hợp cung cấp thông tin sử dụng địa chỉ IP và thực hiện chính sách định tuyến theo hướng dẫn của Sở Thông tin và Truyền thông, Cục Bưu điện Trung ương.

3. Triển khai kết nối vào mạng truy nhập cấp II trên địa bàn tỉnh:

a) Văn phòng Tỉnh ủy lựa chọn doanh nghiệp viễn thông cung cấp dịch vụ để kết nối các ban thuộc Tỉnh ủy Gia Lai; Đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy Gia Lai; huyện ủy, thị ủy, thành ủy; Đảng ủy cấp xã vào mạng truy nhập cấp II trên địa bàn tỉnh theo quy định về quản lý, sử dụng bảo vệ mạng thông tin điện rộng của Đảng.

b) Sở Thông tin và Truyền thông lựa chọn doanh nghiệp viễn thông cung cấp dịch vụ để kết nối các sở, ban, ngành cấp tỉnh, Văn phòng Tỉnh ủy, Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp huyện vào mạng truy nhập cấp II trên địa bàn tỉnh.

c) Ủy ban nhân dân cấp huyện (hoặc giao cho đơn vị chuyên môn trực thuộc)

lựa chọn doanh nghiệp viễn thông cung cấp dịch vụ để kết nối Hội đồng nhân dân cấp huyện; Hội đồng nhân dân cấp xã; Ủy ban nhân dân cấp xã và cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện vào mạng truy nhập cấp II trên địa bàn tỉnh.

d) Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội thành viên cấp tỉnh, cấp huyện lựa chọn doanh nghiệp viễn thông cung cấp dịch vụ để kết nối đơn vị với mạng truy nhập cấp II trên địa bàn tỉnh.

4. Lắp đặt, quản lý và bảo vệ thiết bị đầu cuối của Mạng truyền số liệu chuyên dùng:

a) Đối với thiết bị đầu cuối mạng truy nhập cấp I: Đơn vị sử dụng đảm bảo địa điểm lắp đặt thiết bị tuân thủ các yêu cầu kỹ thuật quy định tại Mục 3 Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 19/2023/TT-BTTTT; phối hợp với Cục Bưu điện Trung ương và doanh nghiệp viễn thông cung cấp dịch vụ trong công tác xử lý sự cố và quản lý, kiểm kê, đánh giá chất lượng thiết bị hàng năm.

b) Đối với thiết bị đầu cuối mạng truy nhập cấp II: Đơn vị sử dụng đảm bảo địa điểm lắp đặt thiết bị tuân thủ các yêu cầu kỹ thuật quy định tại Mục 3 Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 19/2023/TT-BTTTT; phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông, các cơ quan liên quan và doanh nghiệp viễn thông cung cấp dịch vụ trong công tác xử lý sự cố và quản lý, kiểm kê, đánh giá chất lượng thiết bị hàng năm.

c) Đơn vị sử dụng có trách nhiệm bảo vệ thiết bị đầu cuối của Mạng truyền số liệu chuyên dùng lắp đặt tại đơn vị.

Chương III

BẢO ĐẢM AN TOÀN THÔNG TIN

MẠNG TRUYỀN SỐ LIỆU CHUYÊN DÙNG

Điều 7. Yêu cầu bảo đảm an toàn hệ thống thông tin kết nối Mạng truyền số liệu chuyên dùng

1. Thực hiện theo quy định tại Điều 9 Thông tư số 19/2023/TT-BTTTT.

2. Đơn vị sử dụng bảo đảm an toàn, an ninh thông tin theo quy định tại Quy chế đảm bảo an toàn thông tin mạng trong hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin của các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Gia Lai ban hành kèm theo Quyết định số 41/2016/QĐ-UBND ngày 30 tháng 9 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai.

3. Việc xác định cấp độ hệ thống tin kết nối vào Mạng truyền số liệu chuyên dùng thực hiện theo quy định tại Thông tư số 12/2022/TT-BTTTT ngày 12 tháng 8 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ.

Điều 8. Giám sát an toàn thông tin mạng và kiểm soát truy nhập

1. Thực hiện theo quy định tại Điều 10 Thông tư số 19/2023/TT-BTTTT.

2. Sở Thông tin và Truyền thông phối hợp với Cục Bưu điện Trung ương triển khai việc giám sát an toàn thông tin mạng và kiểm soát truy nhập Mạng truyền số liệu chuyên dùng thông qua hệ thống giám sát của Cục Bưu điện Trung ương.

3. Các doanh nghiệp viễn thông cung cấp dịch vụ có hệ thống giám sát riêng phải phối hợp, chia sẻ thông tin giám sát với Cục Bưu điện Trung ương.

Chương IV

TRÁCH NHIỆM TRONG VIỆC QUẢN LÝ, VẬN HÀNH, KẾT NỐI, BẢO ĐẢM AN TOÀN THÔNG TIN VÀ SỬ DỤNG MẠNG TRUYỀN SỐ LIỆU CHUYÊN DÙNG

Điều 9. Trách nhiệm Sở Thông tin và Truyền thông

1. Thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ được quy định tại Điều 14 Thông tư số 19/2023/TT-BTTTT.

2. Xây dựng dự toán kinh phí sử dụng mạng truy nhập cấp II đối với Trung tâm dữ liệu tỉnh, đơn vị sử dụng quy định tại điểm b khoản 3 Điều 6 Quy chế này, đề xuất cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí từ nguồn ngân sách nhà nước để duy trì, kết nối, sử dụng mạng truy nhập cấp II.

3. Hướng dẫn việc triển khai kết nối với mạng truy nhập cấp II trên địa bàn tỉnh theo quy định.

Điều 10. Trách nhiệm của Sở Tài chính

Hàng năm, tại thời điểm xây dựng dự toán ngân sách, căn cứ vào khả năng cân đối ngân sách và dự toán do các sở, ngành, đơn vị dự toán lập theo đúng thời gian quy định, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét bố trí kinh phí đảm bảo triển khai các nhiệm vụ, duy trì hoạt động của mạng truy nhập cấp II trên địa bàn tỉnh.

Điều 11. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông và doanh nghiệp viễn thông trong việc tổ chức quản lý, vận hành mạng truy nhập cấp II trên địa bàn quản lý.

2. Khi cần bổ sung, thay đổi điểm kết nối mạng truy nhập cấp II tại địa phương, Ủy ban nhân dân cấp huyện gửi đề nghị bằng văn bản về Sở Thông tin và Truyền thông.

3. Bố trí dự toán kinh phí duy trì, kết nối, sử dụng mạng truy nhập cấp II đối với đơn vị sử dụng quy định tại điểm c khoản 3 Điều 6 Quy chế này theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

Điều 12. Trách nhiệm của doanh nghiệp viễn thông cung cấp dịch vụ

1. Tổ chức thực hiện các quy định về dịch vụ, kết nối, bảo đảm an toàn thông tin, chất lượng theo quy định tại Điều 15 Thông tư số 19/2023/TT-BTTTT và Quy chế này.

2. Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông, các đơn vị liên quan kiểm tra, xử lý sự cố kỹ thuật, bảo đảm chất lượng dịch vụ, an toàn và bảo mật thông tin.

Điều 13. Trách nhiệm của đơn vị sử dụng

1. Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông tổ chức thực hiện các quy định tại Quy chế này.

2. Kiểm tra bảo đảm an toàn thông tin trung tâm dữ liệu, hệ thống thông tin, mạng nội bộ trước khi kết nối vào Mạng truyền số liệu chuyên dùng và kiểm tra định kỳ theo quy định pháp luật liên quan và Quyết định số 41/2016/QĐ-UBND.

3. Thiết lập địa chỉ IP trên các máy trạm tham gia vào hệ thống mạng nội bộ của đơn vị, chịu trách nhiệm về nội dung, thông tin của đơn vị được truyền tải trên mạng truy nhập cấp II.

4. Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông thực hiện nhiệm vụ bảo đảm an toàn thông tin mạng trong việc thiết lập hệ thống máy chủ, cài đặt thiết bị, địa chỉ IP kết nối mạng truy nhập cấp II; tổ chức khai thác có hiệu quả các cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin, phần mềm do đơn vị chủ trì triển khai trên mạng truy nhập cấp II trên địa bàn tỉnh.

5. Trong trường hợp có kế hoạch di dời trụ sở làm việc, nâng cấp, bảo trì mạng nội bộ hoặc bắt buộc phải thay đổi hệ thống mạng tại đơn vị ảnh hưởng đến mạng truy nhập cấp II trên địa bàn tỉnh, đơn vị phải thông báo với Sở Thông tin và Truyền thông bằng văn bản tối thiểu trước 05 ngày làm việc tính từ ngày bắt đầu triển khai để được hướng dẫn và hỗ trợ.

6. Tổ chức, phân công cán bộ, công chức, viên chức hoặc bộ phận chuyên trách công nghệ thông tin thực hiện nhiệm vụ quản trị mạng máy tính tại đơn vị, cụ thể:

a) Lập nhật ký theo dõi quá trình hoạt động của các thiết bị kết nối mạng truy nhập cấp II; quá trình kết nối, sử dụng mạng truy nhập cấp II.

b) Quản lý chặt chẽ hệ thống hạ tầng và thiết bị kết nối mạng truy nhập cấp II của đơn vị (chỉ những cá nhân được phân công quản lý, vận hành, xử lý sự cố trên mạng truy nhập cấp II mới được thao tác trên thiết bị mạng truy nhập cấp II theo sự chỉ đạo của thủ trưởng đơn vị).

c) Tham gia đầy đủ các lớp tập huấn về quản lý, quản trị mạng do Sở Thông tin và Truyền thông tổ chức hoặc các lớp đào tạo nghiệp vụ quản trị mạng theo các chương trình phù hợp.

7. Liên hệ trực tiếp đầu mối bộ phận hỗ trợ kỹ thuật của doanh nghiệp viễn thông cung cấp dịch vụ để được hỗ trợ khắc phục đối với các sự cố thông thường (các sự cố về kết nối, tốc độ, chất lượng dịch vụ). Đối với các sự cố nghiêm trọng, thông báo cho Sở Thông tin và Truyền thông để tổ chức phối hợp với các cơ quan liên quan tiến hành khắc phục kịp thời (các sự cố liên quan đến thiết bị mạng, thiết bị bảo mật, đường truyền, các sự cố liên quan đến an toàn thông tin, mất dữ liệu) ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động của đơn vị.

8. Các đơn vị theo quy định tại điểm d khoản 3 Điều 6 Quy chế này, xây dựng

dự toán kinh phí sử dụng mạng truy nhập cấp II, đề xuất cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí từ nguồn ngân sách nhà nước để duy trì, kết nối, sử dụng mạng truy nhập cấp II.

Điều 14. Trách nhiệm của cá nhân sử dụng

1. Cá nhân sử dụng khi kết nối vào Mạng truyền số liệu chuyên dùng phải tuyệt đối tuân thủ những quy định về quản lý, vận hành, kết nối, bảo đảm an toàn thông tin và sử dụng Mạng truyền số liệu chuyên dùng tại Quy chế này.
2. Không thực hiện truy cập trái phép vào Mạng truyền số liệu chuyên dùng.
3. Không tự ý cài đặt, tháo gỡ, di chuyển, can thiệp không đúng thẩm quyền vào các thiết bị đã thiết lập trên Mạng truyền số liệu chuyên dùng vào các mục đích không thuộc nhiệm vụ, quyền hạn; không cung cấp, phát tán thông tin không được pháp luật cho phép; không cố tình gây mất an toàn, an ninh thông tin.
4. Không tiết lộ sơ đồ tổ chức hệ thống mạng, mật khẩu truy nhập các ứng dụng trên Mạng truyền số liệu chuyên dùng cho các tổ chức, cá nhân không đúng thẩm quyền.
5. Khi sự cố xảy ra, cần thông báo kịp thời cho người có thẩm quyền của đơn vị mình để kịp thời giải quyết.

Chương V TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 15. Tổ chức thực hiện

1. Sở Thông tin và Truyền thông chịu trách nhiệm tổ chức triển khai, hướng dẫn, đôn đốc và kiểm tra việc thực hiện Quy chế này.
2. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp viễn thông cung cấp dịch vụ Mạng truyền số liệu chuyên dùng có trách nhiệm tổ chức thực hiện nghiêm túc Quy chế này.
3. Trường hợp văn bản viện dẫn tại Quy chế này được sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ bằng văn bản quy phạm pháp luật mới thì áp dụng quy định tương ứng tại văn bản quy phạm pháp luật mới.
4. Trường hợp nếu có sự sắp xếp, tổ chức lại bộ máy dẫn đến thay đổi về tên gọi các cơ quan, đơn vị nêu tại Quy chế này thì các cơ quan, đơn vị sau khi hoàn thành sắp xếp, tổ chức lại bộ máy căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ mới được giao để tham mưu, tổ chức thực hiện Quy chế này đảm bảo phù hợp và hiệu quả.
5. Trong quá trình tổ chức thực hiện Quy chế này nếu có phát sinh khó khăn vướng mắc, đề nghị các cơ quan, đơn vị kịp thời phản ánh về Sở Thông tin và Truyền thông để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết./.